

Số: /BC-THDL

Tân Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I, Triển khai phương hướng nhiệm vụ học kỳ II Năm học 2025 – 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô

Tổng số lớp: 21

Tổng số học sinh toàn trường: 687 học sinh – Nữ 330, đạt tỉ lệ 48%;

- Khối 1: 130 học sinh - Nữ 69, đạt tỉ lệ 53,8%;

- Khối 2: 127 học sinh - Nữ 56, đạt tỉ lệ 43,75%;

- Khối 3: 152 học sinh - Nữ 77, đạt tỉ lệ 50,66%;

- Khối 4: 117 học sinh - Nữ 49, đạt tỉ lệ 41,88%;

- Khối 5: 161 học sinh - Nữ 79, đạt tỉ lệ 49,07%;

- So với cùng kì năm học 2024-2025: Số lớp giữ nguyên. Số học sinh giảm 03 em (lý do HS chuyển đi theo gia đình)

- So với đầu năm học giữ nguyên về số lớp, số học sinh giảm 03 em.

*** Trong đó:**

- Số học sinh học 2 buổi/ngày: 687 HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học ngoại ngữ: 687 HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học tin học: 430 HS, đạt tỉ lệ 100% (so với HS lớp 3,4,5);

- Số HS lưu ban năm học 2024-2025: 05 HS, chiếm tỉ lệ 0.7%;

Khối	Khối I	Khối II	Khối III	Khối IV	Khối V	Tổng
Số lớp	4	4	5	4	4	21
Số HS	130	127	152	117	161	687
Nữ	69	56	77	49	79	330 = 48%
Tỷ lệ HS/ lớp	32.5	32	30.4	29.3	40.3	32.8 hs/lớp
HS học 2 buổi/ ngày	130	127	152	117	161	687 = 100%
Học sinh khuyết tật	2	7	0	1	1	11 = 1,6%
HS có hoàn cảnh KK	7	3	6	2	7	25 = 3,63%

HS hộ cận nghèo	2	0	1	2	1	6 = 0,87%
HS hộ nghèo	0	0	0	0	0	0
HS mồ côi	3	1	0	1	0	5 = 0,7%
Học sinh bán trú	117	108	127	89	93	534 = 77,7%
HS học đúng độ tuổi	125	123	149	114	157	668 = 97%

2. Đội ngũ

CBGV, CNV	TS	NỮ		ĐV	TRÌNH ĐỘ				BIÊN CHẾ	HĐ NĐ 111
		SL	Tỷ lệ (%)		ĐH	CĐ	TC	<TC		
Tổng số	40	38	95	25	35	3	1	1	37	3
BGH	2	2	100	2	2	0	0	0	2	0
GV giảng dạy	33	32	96.6	22	31	2	0	0	32	1
TPT	1	1	100	0	1	0	0	0	1	0
Nhân viên	3	3	100	1	1	1	1	0	2	1
Phục vụ, BV	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1

3. Cơ sở vật chất

(Số liệu báo cáo cần trùng khớp với số liệu tại csdl.haiphong.edu.vn, lấy theo biểu mẫu tại csdl.haiphong.edu.vn)

3.1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Hiện trạng							
				Kiên cố		Bán kiên cố		Tạm		Nhờ, mượn, thuê	
				Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)
1	A. THÔNG TIN CHUNG										
1.1	Số học sinh	HS	688	x	x	x	x	x	x	x	x
1.1.1	Số học sinh điểm trường chính	HS	688	x	x	x	x	x	x	x	x

1.1.2	Số học sinh điểm trường phụ	HS	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2	Diện tích đất	m2	5,223	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3	Diện tích đất/học sinh	m2/học sinh	7.59	x	x	x	x	x	x	x	x
1.4	Diện tích xây dựng	m2	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5	Số điểm trường	điểm	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6	Số lớp	lớp	21	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6.1	Số lớp điểm trường chính	lớp	21	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6.2	Số lớp điểm trường phụ	lớp	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.7	Số cán bộ quản lý	CBQL	2	x	x	x	x	x	x	x	x
1.8	Số giáo viên	GV	34	x	x	x	x	x	x	x	x
1.9	Số nhân viên	NV	2	x	x	x	x	x	x	x	x
1.10	Số chỗ trong nhà ăn	chỗ	534	x	x	x	x	x	x	x	x
1.11	Số chỗ trong nhà ở nội trú	chỗ	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.12	Số chỗ trong thư viện	chỗ	45	x	x	x	x	x	x	x	x
2	B. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT										
2.1	1. Khối phòng học tập		6	6	1,260						
2.1.1	- Phòng học	phòng	1	1	992						
2.1.1.1	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng	1	1	992						
2.1.1.2	+ Phòng học tại điểm trường	phòng									
2.1.2	- Phòng học bộ môn	phòng	2	2	110						

	Âm nhạc, Mỹ thuật										
2.1.3	- Phòng học bộ môn Khoa học- Công nghệ	phòng	1	1	55						
2.1.4	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1	48						
2.1.5	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	1	55						
2.1.6	- Phòng đa chức năng	phòng									
2.2	2. Khối phòng hỗ trợ học tập		6	6	167						
2.2.1	- Thư viện	phòng	1	1	52						
2.2.2	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1	55						
2.2.3	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	2	2	30						
2.2.4	- Phòng truyền thống	phòng	1	1	15						
2.2.5	- Phòng Đội Thiếu niên	phòng									
2.2.6	Phòng kết hợp Phòng đội thiếu niên và truyền thống (nếu dùng chung)	phòng	1	1	15						
2.3	3. Khối phòng hành chính quản trị		6	6	275						
2.3.1	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	36						
2.3.2	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1	18						

	và thực phẩm										
2.6.5	- Nhà ăn	phòng	1	1	760						
2.6.6	- Nhà ở nội trú	nhà									
2.6.7	- Phòng quản lý học sinh	phòng	1	1	760						
2.6.8	- Phòng sinh hoạt chung	phòng									
2.7	7. Khối phòng khác		1	1	108						
2.7.1	- Nhà Công vụ (phòng)	phòng									
2.7.2	- Bể bơi	bể									
2.7.3	- Hội trường	phòng	1	1	108						

3.2. Thiết bị dạy học tối thiểu

1. Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 (KNTT)

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)
MÔN TOÁN					
Bộ thực hành toán 1	Bộ	4			Đủ
Mô hình đồng hồ	cái	4			Đủ
MÔN TIẾNG VIỆT					
Bộ tranh dạy tiếng việt	Bộ	9			Đủ
Mẫu chữ viết 1	Bộ	4			Đủ
Bộ thực hành học vần 1	Bộ	4			Đủ
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN					
Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	24			Đủ
Bộ tranh cơ thể người và giác quan	Bộ	24			Đủ
Những việc cần làm để giữ việc sinh cá nhân		24			Đủ
Bộ tranh những việc việc nên và không làm để phòng tránh cận thị	Bộ	24			Đủ
MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT					
Bộ tranh về phòng tránh xâm hại	Bộ	24			Đủ
Bộ tập hợp đội hình ngang dọc dóng hàng	Bộ	8			Đủ
Vận động cơ bản	Bộ	8			Đủ
Bài tập thể dục	Bộ	4			Đủ
Đồng hồ dây bấm giây 10 lap	Bộ	4			Đủ
MÔN ĐẠO ĐỨC					
Bộ tranh nghiệm trang khi chào cờ	Bộ	4			Đủ

Bộ tranh yêu gia đình	Bộ	4			Đủ
Bộ tranh thật thà	Bộ	4			Đủ
Bộ tranh tự giác làm việc của mình	Bộ	24			Đủ
Bộ tranh sinh hoạt nề nếp	Bộ	24			Đủ
Bộ tranh thực hiện nội quy trường lớp	Bộ	24			Đủ
Bộ tranh tự chăm sóc bản thân	Bộ	24			Đủ
Bộ tranh phòng chống tai nạn thương tích	Bộ	24			Đủ
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM					
Bộ thẻ gương mặt cảm xúc	Bộ	28			Đủ

2. Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 (KNTT)

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)
Thước nhôm 05	cái	1		x	25
Mô hình đồng hồ	chiếc	1		x	25
Cân Robeva 5 kg + bộ quả cân 10 g	cái	1		x	25
Bộ chai và ca 1 lit	bộ	4			Đủ
Bảng tên chữ cái tiếng việt (1 tờ)	tờ	5			Đủ
Đồng hồ giấy bấm 10 lad	chiếc	1		x	25
Còi nhựa	cái	4			Đủ
Cờ lệnh thể thao	Bộ	1		x	25
Nắm thể thao	chiếc	20		x	25
Dây nhảy cá nhân	chiếc	1		x	25
Trống nhỏ + dùi (đường kính 180 mm)	Bộ	3		x	75

3. Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3 (KNTT)

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)
Thước nhôm 05	chiếc	1		x	25
Mô hình đồng hồ	chiếc	1		x	25
Cân Roberval 5kg +bộ quả cân 10g ,100g					
200g 1kg(mỗi loại 2 quả)	cái	1		x	25
Bộ chai và ca 1 lít	Bộ	4			Đủ
Ê ke nhựa 30- 40-50 compa nhôm thước đo độ nhựa	Bộ	1		x	25
Thiết bị dạy diện tích	Tấm	4			Đủ
Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Bộ	3		x	75
Còi nhựa	chiếc	1		x	25
Thước dây 10m	chiếc	1			25
Cờ lệnh thể thao	bộ	1			25

Nắm thể thao	chiếc	20			25
Dây nhảy tập thể	chiếc	10			25
Dây nhảy cá nhân	chiếc	1			5

4. Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4 (KNTT)

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)
Thước nhôm 05	cái	1		x	25
Ê ke nhựa 30-40-50 compa nhôm thước đo độ nhựa	Bộ	1		x	25
Bộ toán hình học nhựa 4GV (Hình học dạy phân số)	Bộ	2		x	50
Video /clip : lắp ráp mô hình kĩ thuật	Bộ	1		x	25
Trống nhỏ + dùi (đường kính 180 mm)	Bộ	2		x	25
Song loan	cái	10		x	25
Thanh phách	cặp	35			Đủ
Triangle (tam giác vuông)	Bộ	5			Đủ
Tambourine (trống lục lạc)	cái	4		x	25
Chuông (bells)	cái	1		x	25
Maracas (bộ/2 cái)	bộ	5			Đủ
Recorder	cái	5			Đủ
Đồng hồ bấm giây 10 lad	chiếc	1		x	25
còi nhựa	chiếc	3		x	25
DÙNG CHUNG					
Bóng đá (nhựa)	quả	20			Đủ
Bảng nỉ cài	cái	10			Đủ
Com pa	cái	5			Đủ
Bảng phụ 2 mặt (mua bỏ sung nhôm)	cái	114			Đủ
Bảng nhóm	cái	10			Đủ
Kèn melodio	cái	5			Đủ
Song loan	cái	10			Đủ
Phách	cái	10			Đủ
Thước mét	cái	3			Đủ
Bóng ném	quả	30			Đủ
thước 5 mét	cái	4			Đủ
Nhiệt kế	cái	23			Đủ
ống thủy tinh nhỏ	cái	31			Đủ
Lọ thủy tinh	cái	30			Đủ
Mô hình bánh xe nước	cái	2			Đủ
Chai nhựa 1 lít	cái	3			Đủ
Đàn piano	cái	1		x	50
Mô hình mặt đồng hồ HS	cái	120			Đủ
Mô hình răng	cái	3			Đủ

Mét vuông	cái	6			Đủ
Hình lập phương	cái	8			Đủ
Hình hộp chữ nhật	cái	7			Đủ
Còi nhựa	cái	5			Đủ
Bộ thí nghiệm	bộ	1			Đủ
Cân đĩa	cái	3			Đủ
Êke	cái	4			Đủ
quả địa cầu (bổ sung thêm)	quả	20			Đủ
Nẹp tranh mới mua 2019	cái	100			Đủ
Nam châm	cái	80			Đủ
Bảng phụ (gỗ)	cái	4			Đủ
Bộ dụng cụ chăm sóc , hoa cây cảnh	bộ	1			Đủ
Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật	bộ	4			Đủ
Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	bộ	4			Đủ
Biển lật số (bằng nhựa)	bộ	1			Đủ
Gậy nhựa (400X30)mm	cái	35			Đủ
vòng d=345mm(bằng nhựa)	cái	35			Đủ
Bộ thiết bị thống kê và xác suất	bộ	7			Đủ
Bóng rổ	quả	11			Đủ
giày thể thao	đôi	3			Đủ
TỔNG		1269			

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của Xã, của địa phương.
- Có đủ phòng học, phòng chức năng để tổ chức 100% HS học 2 buổi/ ngày.
 - Cha mẹ học sinh quan tâm đến công tác giáo dục.
- Nhà trường tăng cường cơ sở vật chất các phòng học. 100% các phòng học, phòng bộ môn được trang bị ti vi, máy soi phục vụ dạy, học.
- Đội ngũ giáo viên tâm huyết trách nhiệm với công việc, vững về chuyên môn.
- Đoàn thanh niên hoạt động sôi nổi, sáng tạo.
- Nhà trường có bề dày truyền thống trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục; phụ huynh HS quan tâm, trách nhiệm cao với mọi hoạt động.
- Công tác bán trú đã được triển khai nhiều năm, số lượng học sinh ăn bán trú 78% khá đông thuận lợi cho triển khai các hoạt động giáo dục.

2. Về khó khăn

* Về đội ngũ:

- Tỷ lệ giáo viên đạt 1.62GV/ lớp, chưa đồng bộ về cơ cấu.

* Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục:

- Diện tích các phòng học chật hẹp, không đủ chuẩn.
- Thiết bị dạy học lớp 5 chưa có, các lớp thiếu nhiều; Thiết bị dạy quốc phòng an ninh chưa có.
- Diện tích của nhà trường còn thiếu 2000 m² theo quy định; thiếu sân tập phục vụ hoạt động giáo dục thể chất – Chưa có nhà đa năng phục vụ hoạt động giáo dục học sinh.
- Trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2019, cơ sở vật chất đã xuống cấp nhiều.
- Thiếu thiết bị dạy lớp 5 chương trình GDPT 2018. Thiếu máy tính để phục vụ dạy môn Tin học. Thiếu phòng tư vấn học đường, phòng đa chức năng.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thực hiện kế hoạch thời gian năm học và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, chương trình, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục *linh hoạt, phù hợp* theo hướng dẫn Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, đạt hiệu quả cao nhất.

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trọng tâm đã bám sát các mạch nội dung, kiến thức, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục và nội dung bài học, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đặc điểm đối tượng học sinh để chủ động điều chỉnh, bổ sung. Đồng thời nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung ***lồng ghép khung năng lực số trong từng bài dạy ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo dục*** quyền con người, an ninh quốc phòng, giáo dục địa phương, giáo dục stem,...

- Nhà trường tổ chức 21/21 lớp học 2 buổi/ngày. Bố trí hợp lý đội ngũ giáo viên các khối lớp phù hợp với khả năng của bản thân và tính hiệu quả chất lượng giáo dục. Đảm bảo cơ sở vật chất nội vụ phòng học, ưu tiên thiết bị dạy học tối thiểu, nâng cấp đường mạng để giáo viên phát huy dạy học ứng dụng công nghệ thông tin –chuyển đổi số, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; Sắp xếp giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục.

- Cuối học kỳ I học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình theo quy định đánh giá học sinh tại Thông tư 27/TT-BGD&ĐT. Tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, Võ, điền kinh, các sân chơi học tập violimpic, IOE, vioedu; các hoạt động dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số, lồng ghép giáo dục quốc phòng, an ninh, giáo dục văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương được quan tâm.

- Tổ chức tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, phụ huynh, giáo viên được Ủy ban nhân

dân xã phê duyệt dưới hình thức như: đọc sách, hoạt động tập thể, sinh hoạt câu lạc bộ TDTT..... tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí.

- Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục như: Học tiếng Anh tăng cường với giáo viên nước ngoài thời lượng 4 tiết/ tháng; câu lạc bộ kỹ năng sống 4 tiết/ tháng.

➤ Số lượng (cập nhật theo đường link dưới đây)
<https://docs.google.com/spreadsheets/d/11buLMwSmtIwmmLpQHnBIXK83H74fBkX/edit?usp=sharing&ouid=116808309668917294894&rtpof=true&sd=true>

- Sắp xếp thời khóa biểu đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học.

➤ Các điều kiện đảm bảo:

Trường	Giáo viên			Phòng học dạy 2	
				buổi/ngày	
Tiểu học Đoàn Lập	Tổng số GV	TS GV dạy 2 buổi/ngày	Tỷ lệ GV/lớp	Tổng số phòng học/lớp	Tỷ lệ
	34	34	1.62	26	1.24

Các trường cập nhật số liệu vào đường link dưới đây
<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1LJLzXC06UUCNOna2qelYiKBMpExKvSVi/edit?usp=sharing&ouid=116808309668917294894&rtpof=true&sd=true>

Công tác tổ chức các hoạt động củng cố tại buổi 2 được nhà trường triển khai linh hoạt, phù hợp với từng khối lớp và đối tượng học sinh. Nội dung các hoạt động tập trung vào việc củng cố, ôn luyện kiến thức đã học ở buổi 1; tăng cường rèn luyện kỹ năng cơ bản, kỹ năng thực hành; hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành yêu cầu học tập và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Hình thức tổ chức đa dạng, chú trọng hoạt động trải nghiệm, học tập thông qua trò chơi, thực hành, giúp học sinh tiếp thu kiến thức nhẹ nhàng, hiệu quả, không gây áp lực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Việc tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học được triển khai đúng quy định: Môn Tin học đối với các lớp 3, 4, 5 với thời lượng 1 tiết/tuần/lớp. Nội dung dạy học được triển khai đầy đủ, đúng chương trình theo bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên chú trọng đổi mới phương pháp, tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, giúp học sinh từng bước hình thành và phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của chương trình. Đối với Tiếng Anh bắt buộc, triển khai giảng dạy cho các lớp 3, 4, 5 theo bộ sách *Wonderful World*; đối với Tiếng Anh tự chọn, tổ chức giảng dạy cho các lớp 1, 2 theo bộ sách *Phonics Smart*. Việc bố trí thời gian dạy học đảm

bảo khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh, không gây quá tải. Nội dung và phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng phát triển năng lực giao tiếp, giúp học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

*Tổ chức các hoạt động liên kết

a) Liên kết triển khai chương trình tiếng Anh tăng cường với giáo viên người nước ngoài:

- Số HS tham gia: 545/687 học sinh, đạt tỉ lệ 79.3%

- Thời lượng: 04 tiết/tháng

- Nhà trường đã thực hiện đúng các quy định về liên kết trong dạy học Tiếng Anh tăng cường với trung tâm E-connect Hải Phòng. Tổ chức cho PHHS viết đơn đăng kí học tự nguyện; bố trí thời gian học vào buổi thứ 10, không xếp trong thời khóa biểu chính khóa, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; Nhà trường phối hợp với Trung tâm xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với HS đang học; giáo viên dạy Tiếng Anh của trung tâm trợ giảng. BGH dự giờ giám sát chất lượng giảng dạy của giáo viên; thường xuyên nắm bắt phản hồi từ giáo viên và cha mẹ học sinh về chất lượng, phương pháp giảng dạy..

b) Liên kết triển khai giáo dục kỹ năng sống

- Số HS tham gia: 584/687 học sinh, đạt tỉ lệ 85%. Thời lượng: 04 tiết/tháng. Thực hiện liên kết trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống trên tinh thần thỏa thuận, phụ huynh hoàn toàn tự nguyện đăng ký. Bố trí thời gian học vào buổi thứ 10, không xếp trong thời khóa biểu chính khóa, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; Có đủ hồ sơ, tính pháp lý của các bên liên quan, được cấp trên đồng ý tổ chức dạy học. Nhà trường thực hiện thu chi theo định mức nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

c) Liên kết triển khai giáo dục STEM Robotics

- Số HS tham gia: 260/687 học sinh, đạt tỉ lệ 37.8%. Thời lượng: 04 tiết/tháng. Thực hiện liên kết trong tổ chức giáo dục STEM Robotics trên tinh thần thỏa thuận, phụ huynh hoàn toàn tự nguyện đăng ký. Bố trí thời gian học vào buổi thứ 10, không xếp trong thời khóa biểu chính khóa, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; Có đủ hồ sơ, tính pháp lý của các bên liên quan, được cấp trên đồng ý tổ chức dạy học. Nhà trường thực hiện thu chi theo định mức nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Nội dung giáo dục tích hợp được nhà trường xây dựng và triển khai thông qua việc lồng ghép các chủ đề: tích hợp khung năng lực số; Giáo dục quyền con người, an ninh quốc phòng, giáo dục địa phương, giáo dục STEM, giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục kỹ năng sống; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục tiết kiệm năng lượng; giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; giáo dục chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cá nhân; giáo dục giá trị văn hóa,

truyền thống địa phương; giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và xây dựng văn hóa học đường. Các nội dung tích hợp được thực hiện linh hoạt thông qua các môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và các hoạt động.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Sắp xếp, bố trí các phòng học, phòng chức năng

- Rà soát, sắp xếp và sử dụng hiệu quả hệ thống phòng học, phòng chức năng, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục. Nhà trường có 21/21 lớp học được học 2 buổi/ngày, 100% phòng học đều là phòng kiên cố, khang trang, an toàn, đủ ánh sáng, bàn ghế và các thiết bị tối thiểu phục vụ dạy học. Các phòng học bộ môn cơ bản được bố trí đầy đủ, phục vụ tốt cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường đã bố trí phòng Tin học phục vụ giảng dạy, trung bình 02 học sinh/01 máy tính, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và rèn luyện kỹ năng công nghệ thông tin cho học sinh. Tuy nhiên, một số máy tính đã có cấu hình thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học các nội dung ứng dụng, lập trình và chuyên đổi số.

Phòng Công nghệ tuy đã được bố trí không gian sử dụng nhưng còn thiếu một số thiết bị, học liệu thực hành nên hiệu quả khai thác chưa thật sự đồng bộ.

- Về hệ thống khu phụ trợ, sân chơi, bãi tập và thiết bị vận động, nhà trường đã tận dụng tối đa diện tích hiện có để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất và trải nghiệm cho học sinh.

Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, nhà trường hiện chưa có nhà đa năng, một số thiết bị vận động, dụng cụ thể thao ngoài trời còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng vận động và tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn, nhất là trong điều kiện thời tiết không thuận lợi.

2.2. Bổ sung trang thiết bị, học liệu

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả CTGDPT theo quy định. Việc đầu tư trang thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 13.

Từng bước đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu, bảo đảm các điều kiện tối thiểu theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT phục vụ hoạt động dạy học theo yêu cầu chương trình mới.

Nhà trường đã rà soát, đối chiếu danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư 37/2021-TT BGD&ĐT, mua sắm, bổ sung thiết bị cho các khối lớp. Đến nay, hệ thống thiết bị dạy học tối thiểu cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giờ học, phát huy tính chủ động, sáng tạo của giáo viên và học sinh.

Bên cạnh đó, nhà trường đã chú trọng bổ sung học liệu, sách tham khảo, học liệu điện tử, thiết bị trình chiếu, đồ dùng trực quan, từng bước xây dựng môi

trường dạy học theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Việc khai thác, sử dụng thiết bị và học liệu trong dạy học được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, gắn với đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh phí còn hạn chế, một số danh mục thiết bị theo Thông tư 37/2021-TT BGD&ĐT chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đủ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2,3,4. Riêng lớp 5 chưa có. Đặc biệt là thiết bị phục vụ các hoạt động trải nghiệm, thực hành và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Nhà trường chú trọng đến việc khai thác, sử dụng hiệu quả kho học liệu số của ngành và của địa phương. Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thường xuyên sử dụng các nền tảng học liệu số do ngành Giáo dục cung cấp, đồng thời chủ động xây dựng, bổ sung học liệu số dùng chung của đơn vị như: bài giảng điện tử, video minh họa, học liệu tương tác, ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra.

Các tổ chuyên môn đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc xây dựng, chia sẻ và làm giàu kho học liệu số của nhà trường, gắn với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Trong công tác kiểm tra, đánh giá, giáo viên đã từng bước khai thác các ngân hàng câu hỏi số, phần mềm hỗ trợ khảo sát, đánh giá trực tuyến, xây dựng đề kiểm tra, bài tập theo hướng đa dạng hóa hình thức, kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Qua đó, giúp giáo viên theo dõi kịp thời mức độ tiến bộ của học sinh, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường.

2.3. Bảo đảm sách giáo khoa

Báo cáo các bản sách giáo khoa đang sử dụng năm học 2025-2026 (có phụ kèm theo nếu cần).

Trong năm học 2025–2026, nhà trường thực hiện thống nhất việc lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

Các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 đều sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

Đối với môn Tiếng Anh lớp 3, 4, 5, nhà trường sử dụng bộ sách “Wonderful World” của Bình Minh Group, do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm xuất bản.

Đối với môn Tiếng Anh lớp 1, 2, nhà trường lựa chọn sử dụng bộ sách “Phonics Smart” do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

Việc triển khai sử dụng các bộ sách giáo khoa nêu trên được thực hiện đồng bộ, đúng kế hoạch, bảo đảm tính ổn định, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Nhà trường bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ và sách kỹ năng sống cho thư viện, nhằm đáp ứng nhu cầu mượn – đọc – nghiên cứu của giáo viên và học sinh. Thư viện nhà trường được duy trì hoạt động nền nếp, phục vụ hiệu quả công tác dạy học và học tập; phong trào đọc sách trong giáo viên và học sinh tiếp tục được quan tâm, góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn, đặc biệt là tổ khối 4, 5, tiến hành rà soát các ngữ liệu, bài học, chủ đề có liên quan trong sách giáo khoa, nhất là đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4, lớp 5 các nội dung liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trên cơ sở đó, giáo viên đã chủ động điều chỉnh, cập nhật, thay thế một số thông tin, ví dụ minh họa, tên gọi địa danh, đơn vị hành chính cho phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp, bảo đảm tính chính xác, thời sự và giáo dục. Việc điều chỉnh được thực hiện linh hoạt trong quá trình tổ chức dạy học, có minh chứng thông qua kế hoạch bài dạy, biên bản sinh hoạt chuyên môn, hồ sơ chuyên môn của giáo viên.

Tổ chức điều chỉnh, tích hợp và sử dụng linh hoạt trong quá trình dạy học, phù hợp với đặc điểm văn hóa – xã hội – địa lý của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

Sử dụng tài liệu Giáo dục địa phương được thực hiện theo hướng gắn kiến thức với thực tiễn địa phương, phát huy giá trị truyền thống, lịch sử, văn hóa và tiềm năng phát triển của địa phương, góp phần giáo dục tình yêu quê hương, ý thức trách nhiệm công dân cho học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

2.4. Báo cáo tình hình đội ngũ: Tỷ lệ giáo viên 1.62, chưa đồng bộ về cơ cấu.

Chưa có biên chế giáo viên chuyên dạy Tin học, Thể dục, thiếu GV Ngoại ngữ. Có 02 giáo viên giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 chiếm 7.1%; Còn 04 giáo viên chưa linh hoạt trong đổi mới phương pháp dạy học chiếm 12%. 6 giáo viên còn hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học chiếm 18%.

Ngay từ đầu năm học 2025–2026, nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng thiết thực, hiệu quả, bám sát yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục. Việc bồi dưỡng được thực hiện thông qua các hình thức: sinh hoạt chuyên môn, tập huấn chuyên đề, tự bồi dưỡng và học tập qua các khóa học trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

Nhà trường duy trì nền nếp sinh hoạt chuyên môn theo tổ, theo đơn vị xã, tích cực tham gia sinh hoạt chuyên môn liên trường theo kế hoạch của Sở Giáo dục &ĐT.

Trong học kỳ I, nhà trường đã tổ chức 4 đợt chuyên đề cấp trường, xã và tham gia đầy đủ các chuyên đề chuyên môn các cấp, tập trung vào các nội dung: đổi mới phương pháp dạy học, dạy học phát triển năng lực học sinh, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học. Các buổi sinh hoạt chuyên môn được chú trọng theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thành công Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường cho 09 giáo viên năm học 2025–2026 theo đúng quy định. Hội thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình, là dịp để giáo viên thể hiện năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, khả năng đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin. Thông qua hội thi, nhà trường đã phát hiện, bồi dưỡng và lựa chọn đội ngũ giáo viên nòng cốt 4 giáo viên tham gia các hội thi cấp trên, đồng thời tạo động lực thi đua dạy tốt trong toàn trường.

Nhà trường tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường dạy học và sử dụng tiếng Anh trong nhà trường, từng bước hướng tới mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai. Trong đó, chú trọng: nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh; tăng cường thời lượng và chất lượng các hoạt động học tập, trải nghiệm bằng tiếng Anh; tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi, hoạt động giao tiếp tiếng Anh cho học sinh; khuyến khích giáo viên và học sinh sử dụng tiếng Anh trong một số hoạt động học tập và sinh hoạt phù hợp. Qua đó, từng bước hình thành môi trường học tập và giao tiếp tiếng Anh trong nhà trường.

3. Thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và phát triển năng lực số

3.1. Việc thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức dạy học

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học và đặc điểm tâm sinh lý của học sinh. Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên kết hợp hài hòa giữa phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học theo nhóm, thảo luận, trò chơi học tập, trải nghiệm, thực hành, dự án; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và từng bước khai thác, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số, hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá học sinh. Các hình thức tổ chức dạy học được đa dạng hóa, linh hoạt (dạy học trong lớp, ngoài lớp, học theo cá nhân, theo nhóm), chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh; đồng thời đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu của Chương trình GDPT 2018.

3.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá: Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ, kết quả.

Nhà trường thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với học sinh các khối lớp theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá được thực hiện theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh, chú trọng đánh giá sự tiến bộ của từng

em trong quá trình học tập và rèn luyện. Giáo viên quan tâm động viên, khuyến khích sự cố gắng của học sinh; tạo điều kiện để học sinh phát huy tối đa khả năng, năng lực; đảm bảo tính kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Bộ phận chuyên môn hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá thường xuyên; chỉ đạo xây dựng đề kiểm tra định kỳ các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ đối với các môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định. Cùng với đó, giáo viên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, đánh giá; sử dụng các phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh; cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin đánh giá trên cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện sổ điểm điện tử và học bạ điện tử theo đúng quy định.

. * Kết quả đánh giá học sinh học kỳ I năm học 2025-2026 (tính cả HS khuyết tật học hòa nhập):

- Môn học/HĐGD:

Môn học	Tổng số HS	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	687	687	579	84.3	93	13.5	15	2.2
Tiếng Việt	687	687	595	86.6	79	11.5	13	1.9
Mỹ thuật	687	687	565	82.2	122	17.8	0	0.0
Âm nhạc	687	687	572	83.3	115	16.7	0	0.0
GD thể chất	687	687	604	87.9	83	12.1	0	0.0
Đạo đức	687	687	614	89.4	73	10.6	0	0.0
Tự nhiên - Xã hội	409	409	348	85.1	60	0.0	1	0.2
Khoa học	278	278	233	83.8	45	16.2	0	0.0

Lịch sử và Địa lí	278	278	231	83.1	47	16.9	0	0.0
Tin học và CN (Tin học)	430	430	370	86.0	60	14.0	0	0.0
Tin học và Công nghệ (CN)	430	430	372	86.5	58	13.5	0	0.0
HD trải nghiệm	687	687	579	84.3	106	15.4	2	0.3
Tiếng Anh	687	687	539	78.5	145	21.1	3	0.4

- Năng lực:

Năng lực		Tổng số HS	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	687	687	571	83.1	107	15.6	9	1.3	
	Giao tiếp và hợp tác	687	687	580	84.4	99	14.4	8	1.2	
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	687	687	556	80.9	122	17.8	9	1.3	
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	687	687	589	85.7	91	13.2	7	1.0	
	Tính toán	687	687	576	83.8	102	14.8	9	1.3	
	Khoa học	687	687	596	86.8	86	12.5	5	0.7	

	Công nghệ	430	430	376	87.4	54	12.6	0	0.0	
	Tin học	430	430	369	85.8	61	14.2	0	0.0	
	Thẩm mỹ	687	687	596	86.8	87	12.7	4	0.6	
	Thể chất	687	687	619	90.1	65	9.5	3	0.4	

- Phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số HS	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Yêu nước	687	687	675	98.3	12	1.7	0	0.0	
Nhân ái	687	687	666	96.9	21	3.1	0	0.0	
Chăm chỉ	687	687	574	83.6	109	15.9	4	0.6	
Trung thực	687	687	626	91.1	59	8.6	2	0.3	
Trách nhiệm	687	687	675	98.3	12	1.7	0	0.0	

*** Đánh giá:**

- Môn Toán:

+ HTT là 84,3%, so với cùng kì năm học trước là 83,3%, tăng 1%; HT là 13,5% so với cùng kì năm học trước là 13,9, giảm 0,4%.

-> So với kế hoạch HTT là 83,0% tăng 0,3%; HT là 13,5 giảm 1,1% (Tuy nhiên điểm 9,10 giảm so với KH).

- Môn Tiếng Việt:

+ HTT là 86,6%, so với cùng kì năm học trước là 84,6%, tăng 2%; HT là 13,9% so với cùng kì năm học trước là 18,4, giảm 4,5%.

-> So với kế hoạch HTT là 84,0% tăng 0,6%; HT là 11,5 giảm 12% (Tuy nhiên điểm 9,10 giảm so với KH).

- Đánh giá về năng lực, Tốt chiếm 81,9%, tương đương cùng kì năm học trước. So kế hoạch là 84,5% giảm 2,6%; Đạt chiếm 17,7%, so kế hoạch là 15,1% giảm 2,6%;

- Đánh giá về phẩm chất: Tốt chiếm 83,5%, tương đương cùng kì năm học trước. So kế hoạch là 95,2% giảm 11,7%; Đạt chiếm 16,1%, so kế hoạch là 15,1% cao hơn 1%;

*** Củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

->Phát triển đội ngũ về số lượng, cơ cấu

- Nhà trường đã tham mưu với UBND huyện bổ sung 02 giáo viên; có đủ giáo viên dạy văn hóa, GV dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, tỉ lệ:1.62% GV/lớp

-> Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Tham gia các lớp tập huấn do xã, Sở, Bộ GD&ĐT tổ chức

+ 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng về tư tưởng, chính trị hè 2025, ghi chép nội dung cốt lõi: Tăng cường chương trình giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên; Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; Một số kết quả thực hiện. Tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực nghề nghiệp:

+ Tập huấn về triển khai cơ sở dữ liệu ngành. 2/36 CBGV tham gia.

+ Tập huấn về triển khai phần mềm PCGD. 2/36 CBGV tham gia

+ Hội nghị tập huấn hướng dẫn triển khai chữ ký số: 3/36 CBGV tham gia

+ Hội nghị triển khai và tập huấn vận hành, sử dụng Cổng thông tin điện tử ngành giáo dục và đào tạo Hải Phòng. 2/36 CBGV tham gia.

+ Tập huấn sử dụng ký số và triển khai hồ sơ số đối với giáo dục tiểu học: 13/36 CBGV tham gia.

+ Tập huấn cán bộ đầu mối chuyển đổi số và CSDL ngành. 2/36 CBGV tham gia

+ Ngày hội " Toàn dân học tập" và phát động cuộc thi "Công dân số Hải Phòng - Sử dụng thông minh sống an toàn". 1/36 CBGV tham gia

+ Tập huấn triển khai hệ thống họp, hội nghị trực tuyến và điều hành trong ngành GDĐT thành phố Hải Phòng. 1/36 CBGV tham gia.

+ Tập huấn sử dụng Ứng dụng học tập tiếng Anh GolbalSpeak của NXB Giáo dục Việt Nam. 3/36 CBGV tham gia

+ Tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên về phát triển năng lực số cho học sinh Tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng: 36/36 CBGV tham gia

+ Tập huấn công tác tài chính:02/36 CBGV tham gia

+ Tham dự chuyên đề cấp Thành phố: “Chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1 đáp ứng yêu cầu liên thông Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, “Phát

triển kỹ năng sử dụng Tiếng Anh với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo AI để khám phá kiến thức và thực hiện dự án học tập”, “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo Ai- tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn tự nhiên và xã hội lớp 2”, “Sử dụng thiết bị trong phòng học thông minh - ứng dụng công nghệ, dạy học trải nghiệm từ tiến nhằm phát huy năng lực của học sinh”; “Sáng tạo trong dạy học môn Tiếng Việt - Tiết đọc thư viện, tích hợp phát triển năng lực số cho học sinh”,...

+ Chuyên đề liên xã: - Chuyên đề cấp xã môn Toán, TV lớp 4 (xã Tiên Lãng)

- Chuyên đề: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số trong dạy học môn Toán, Tiếng Anh (TH Cấp Tiến), môn Tin học, Tiếng Việt lớp 5 (TH Bạch Đằng)

b) Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng tại đơn vị

- Học tập nhiệm vụ năm học, 36/36 người; Luật giáo dục 2019: 36/36 người; Tập huấn kỹ năng số: 36/36 BGH, GV; Tập huấn bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI vào dạy và học;

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn: Nhà trường đã tập huấn, hướng dẫn các tổ trưởng chuyên môn về nội dung, phương pháp tổ chức SHCM cấp tổ, trọng tâm là SHCM theo hướng nghiên cứu bài học; BGH thường xuyên dự SHCM với các tổ để nắm bắt tình hình và giải đáp những khó khăn, vướng mắc về chuyên môn.

- Các chuyên đề chuyên môn đã thực hiện tại đơn vị:

Cấp tổ chức	SL	Nội dung
Cấp Tổ	40	Dạy học Toán lớp 1;2;3;4;5. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI vào dạy môn TV lớp 1;2;3;4;5 phần đọc, nói, nghe, viết, luyện tập, ôn tập và kể chuyện (lớp 1); Đổi mới phương pháp dạy học, dạy lồng ghép giáo dục địa phương, quyền con người, kỹ năng công dân số trong môn HĐTN, Đạo đức lớp 1, 2, 3; môn Công nghệ lớp 4, 5; Tổ chức bài học STEM, sử dụng công nghệ AI trong môn TNXH lớp 1, 2, 3, môn Khoa học lớp 4, 5; Thống nhất nội dung ôn tập cuối học kì I
Cấp trường	10	- Khám phá thế giới cùng AI, ứng dụng chuyển đổi số, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tiếng Việt 5 (Viết). Phát triển kỹ năng sử dụng Tiếng Anh thông qua trí tuệ nhân tạo (AI); Ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức dạy học Tiếng Anh lớp 3; - Phát triển

		hệ thống dạy học- đánh giá tự động bằng công nghệ lập trình ứng dụng; Giáo viên thời đại số làm chủ công nghệ (AI) trong dạy học môn Công nghệ lớp 4; Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp sử dụng công nghệ AI trong giảng dạy môn Toán lớp 3; - Dạy học Tiếng Việt 1 (Độc) sáng tạo trên nền tảng số, tích hợp liên môn, học thông qua chơi, vận dụng trí tuệ AI vào dạy học nhằm kích thích hứng thú và hiệu quả học tập cho học sinh. Bài học STEM môn Khoa học lớp 5. Giáo viên thời đại số - Làm chủ trí tuệ nhân tạo (AI) trong môn Hoạt động trải nghiệm lớp 2 (HD theo chủ đề). Lồng ghép GD quyền con người; Lý tưởng CM , đạo đức lối sống, GDĐP; Tích hợp dạy kỹ năng số cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt lớp 3 (Luyện tập),....
Cấp xã	0	
Cấp thành phố	0	

Tổng số **lượt** cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các chuyên đề: 60

Nội dung các chuyên đề thiết thực, có hiệu quả; chất lượng các chuyên đề tốt tạo sự thay đổi tích cực đến tư duy dạy học, phương pháp dạy học của giáo viên; giúp CBGV nâng cao trình độ nhận thức, thay đổi cách nghĩ, cách làm; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các giáo viên đã nắm chắc mục tiêu của chương trình GDPT 2018, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp; chủ động với việc thực hiện và điều chỉnh nội dung dạy học; tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học.

3.3. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

Nhà trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện giáo dục kỹ năng số cho học sinh một cách đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Nội dung giáo dục kỹ năng số được triển khai chủ yếu thông qua môn Tin học đối với học sinh các lớp 3, 4, 5; đồng thời lồng ghép trong các môn học khác, hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt tập thể. Học sinh được hướng dẫn sử dụng máy tính, thiết bị số đúng cách; bước đầu hình thành kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ học tập; nâng cao ý thức bảo vệ thông tin cá nhân, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng; thực hiện ứng xử văn minh, có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động trực tuyến.

Bên cạnh đó, nhà trường đã triển khai thực hiện học bạ số theo đúng lộ trình và hướng dẫn của ngành Giáo dục. Trong năm học, 100% giáo viên chủ nhiệm và

giáo viên bộ môn thực hiện cập nhật kết quả đánh giá học tập, rèn luyện của học sinh trên hệ thống học bạ điện tử theo quy định; đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác và thống nhất giữa hồ sơ điện tử và hồ sơ quản lý của nhà trường. Bộ phận chuyên môn và cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, hỗ trợ giáo viên trong quá trình sử dụng hệ thống học bạ số, kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Việc đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số gắn với triển khai học bạ số trong năm học đã góp phần nâng cao nhận thức, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho học sinh và giáo viên; đồng thời thúc đẩy hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý, đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Công tác phổ cập giáo dục

a) Việc điều tra phổ cập, cập nhật dữ liệu trên phần mềm.

Nhà trường đã nghiêm túc triển khai công tác điều tra phổ cập giáo dục theo kế hoạch và hướng dẫn của các cấp xã, thành phố. Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể và các thôn, khu dân cư tổ chức rà soát, điều tra, thống kê đầy đủ số trẻ trong độ tuổi phổ cập trên địa bàn, đảm bảo thu thập chính xác các thông tin về độ tuổi, trình độ học vấn, tình trạng học tập và các biến động về dân cư.

Trên cơ sở kết quả điều tra, nhà trường thực hiện việc nhập liệu, cập nhật, điều chỉnh thông tin học sinh kịp thời, đầy đủ trên phần mềm phổ cập giáo dục theo quy định. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện thường xuyên, đặc biệt khi có biến động về học sinh như chuyển đến, chuyển đi, bỏ học, tái học; đảm bảo tính chính xác, thống nhất giữa dữ liệu trên phần mềm và hồ sơ quản lý thực tế của nhà trường. Bộ phận phụ trách công tác phổ cập được phân công rõ ràng, chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đối chiếu số liệu trước khi báo cáo; kịp thời khắc phục sai sót trong quá trình nhập liệu. Nhờ đó, dữ liệu phổ cập giáo dục của nhà trường luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, chỉ đạo và báo cáo của các cấp quản lý giáo dục.

b) Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2025-2026

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể và các thôn trên địa bàn tổ chức rà soát, nắm chắc số trẻ 6 tuổi trong độ tuổi vào lớp 1. Công tác tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò của việc đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi được thực hiện thường xuyên, đa dạng hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh. Kết quả, số học sinh huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 120 em đạt 100%, đảm bảo duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật học hoà nhập.

Trường có 11 học sinh khuyết tật, trong đó có 6 em có hồ sơ

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục đối với trẻ khuyết tật; tạo điều kiện để học sinh khuyết tật được học hoà nhập trong môi trường giáo dục phù hợp, bình đẳng và thân thiện. Trên cơ sở rà soát, nắm bắt tình hình học sinh khuyết tật đang học tại trường, nhà trường xây

dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng, từng dạng khuyết tật, đảm bảo quyền được học tập và phát triển của học sinh.

Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn quan tâm điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; linh hoạt trong kiểm tra, đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh trong việc theo dõi, hỗ trợ, tư vấn tâm lý, tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện, giúp học sinh khuyết tật hòa nhập tốt với tập thể lớp và các hoạt động của nhà trường.

Việc thực hiện giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên và học sinh về giáo dục hòa nhập; đồng thời đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau. Kết quả: Phổ cập giáo dục tiểu học năm 2025 đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục xoá mù chữ năm 2025 đạt mức độ 2.

5. Công tác kiểm tra nội bộ.

1. Kiểm tra Giáo viên:

Số giáo viên được kiểm tra (ghi hồ sơ)/tổng số giáo viên	Tỷ lệ %	Xếp loại			
		Tốt	Khá	TB	Kém
22/34	64,7 %	13	9	0	0

2. Kiểm tra chuyên đề

STT	Tên chuyên đề đã kiểm tra	Số cuộc	Số lượng biên bản (cho mỗi chuyên đề)	Thời gian kiểm tra (tháng ...?)
1	Kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng giáo dục	01	01	8/2025
2	Công tác tuyển sinh	01	01	8/2025
3	Kiểm tra điều kiện đảm bảo về đội ngũ giáo viên.	01	01	8/2025
4	Công tác bán trú.	04	04	9-12/2025
5	Kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3,5.	01	01	9/2025
6	Công tác thu các khoản đầu năm của nhà trường; Việc	01	01	9/2025

	thực hiện công tác công khai.			
7	Kiểm tra nề nếp học sinh, công tác phòng chống dịch.	01	01	9/2025
8	Kiểm tra việc sinh hoạt chuyên môn tổ 1+2+3; tổ 4+5	02	02	10;11/2025
9	Kiểm tra các khoản thu đầu năm của GVCN	01	01	10/2025
10	Công tác phổ cập	01	01	10/2025
11	Kiểm tra công tác mua sắm, bảo quản và sử dụng thiết bị, công tác thư viện.	01	01	11/2025
12	Kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	01	01	11/2025
13	Kiểm tra việc đánh giá học sinh giữa học kì I	01	01	11/2025
14	Kiểm tra việc thực hiện quy chế tổ chức và các hoạt động nhà trường.	01	01	12/2025
15	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của tổ văn phòng; công tác an ninh, an toàn.	01	01	12/2025

6. Công tác phối hợp: Trong học kỳ I năm học 2025–2026, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, Hội đồng Đội và các lực lượng liên quan để triển khai hiệu quả công tác Đội và phong trào thiếu nhi. Các hoạt động phong trào thiết thực như: ngày tựu trường chào đón ngọc sinh lớp 1, chào mừng khai giảng năm học mới, vui Tết Trung Thu, chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, Hội khỏe Phù Đổng, chuyên đề Đội cấp xã, Tuyên truyền giáo dục pháp luật an toàn giao thông, tuyên truyền phòng cháy chữa cháy, các đọc thi đua dạy tốt chào mừng các ngày lễ, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, giáo viên chủ nhiệm giỏi thị trường, báo tường chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, báo tường chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; học sinh tham gia các cuộc thi vẽ tranh gửi đi Chiết Giang Trung Quốc, vẽ tranh an toàn giao thông, sao lưu các sân chơi Toán Bebrát, Amc8, Ikmc, Vioedu, đặc biệt là cuộc thi sáng tạo stem khoa học HHM do trường đại học Hà Nội tổ chức; nhà trường và công ty TNHH cung cấp chế biến thực phẩm Hải Phòng tổ chức kiểm tra sức khỏe học sinh cho học sinh bán trú. Trung tâm

y tế xã tổ chức tiêm phòng bù mũi rubella - BH- UV cho học sinh lớp 2, tiếp tục bù mũi 5 trong 1 cho học sinh lớp 1; phong trào nhân đạo từ thiện được nhà trường và phụ huynh học sinh tích cực hưởng ứng với tổng số tiền các đợt trong học kỳ 1 của cán bộ giáo viên nhân viên, phụ huynh, học sinh tổng số tiền là 213.646.000 đồng.

Các hoạt động được tổ chức đồng bộ, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học, tập trung vào giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, truyền thống cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật an toàn và rèn luyện thể chất. Thông qua các phong trào, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, học sinh được tạo môi trường rèn luyện, phát triển toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Nhà trường đã phối hợp với Trạm Y tế xã và các lực lượng chức năng triển khai nghiêm túc công tác y tế trường học trong học kỳ I. Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, theo dõi, quản lý hồ sơ sức khỏe, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm và môi trường học đường. Công tác kiểm tra, giám sát vệ sinh, phòng chống tai nạn thương tích được duy trì thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, bảo đảm cho học sinh học tập và rèn luyện trong điều kiện tốt nhất.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HỌC KỲ II

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm Chương trình GDPT 2018, dạy đủ môn học, bảo đảm tiến độ, chất lượng dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.

Chú trọng nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn, quan tâm học sinh còn hạn chế, đồng thời bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu học sinh giỏi, chất lượng giáo dục Hoàn thành tốt môn học và hoạt động giáo dục, giảm học sinh không hoàn thành nhiệm vụ học tập. Đảm bảo tỉ lệ lên lớp, hoàn thành Chương trình lớp học, Tiểu học.

Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực học sinh, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Đẩy mạnh công tác chuyên môn và phát triển đội ngũ

Tiếp tục triển khai hiệu quả sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn cụm trường.

Tổ chức tốt các chuyên đề dạy học, chuyên đề đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Đẩy mạnh bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát huy vai trò giáo viên cốt cán, chuẩn bị tốt lực lượng tham gia các hội thi, hoạt động chuyên môn cấp trên.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả học liệu số, kho học liệu của ngành và của địa phương trong dạy học và kiểm tra đánh giá.

Đẩy mạnh sử dụng bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi, phần mềm hỗ trợ dạy học, từng bước nâng cao chất lượng quản lý và giảng dạy.

4. Tập trung đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tiếp tục rà soát, tham mưu bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, nhất là thiết bị cho phòng Tin học, phòng Công nghệ và giáo dục thể chất.

Từng bước nâng cấp, hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất, phục vụ tốt hơn cho dạy học 2 buổi/ngày và các hoạt động giáo dục.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm

Phối hợp chặt chẽ với Liên đội, Đoàn Thanh niên, các lực lượng địa phương tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục truyền thống, kỹ năng sống, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích.

Tăng cường hoạt động trải nghiệm, giáo dục thể chất, văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao nhằm phát triển toàn diện cho học sinh.

6. Đẩy mạnh dạy học tiếng Anh, từng bước xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh, tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi, hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh cho học sinh.

Khuyến khích giáo viên và học sinh tăng cường sử dụng tiếng Anh trong một số hoạt động phù hợp, từng bước hướng tới mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

7. Làm tốt công tác thi đua – khen thưởng và tổng kết năm học

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy tốt – học tốt, gắn thi đua với chất lượng và hiệu quả công việc.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức kiểm tra cuối năm, xét hoàn thành chương trình, tổng kết năm học 2025–2026 nghiêm túc, đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại giáo viên, học sinh và đề nghị khen thưởng cuối năm học.

8. Giữ vững kỷ cương, nề nếp, an toàn trường học

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nề nếp, kỷ cương, kỷ luật hành chính, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và bảo đảm các điều kiện triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018, nhà trường kính đề nghị cấp trên quan tâm, xem xét:

Sớm phê duyệt chủ trương, bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng Nhà đa năng cho học sinh, nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và tổ chức sự kiện trong điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Tiếp tục đầu tư, bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp, đặc biệt là khối lớp 5 và một số môn học còn thiếu thiết bị, bổ sung thiết bị vận động đồng thời nâng cấp, bổ sung máy tính cấu hình phù hợp phục vụ dạy học Tin học, Công nghệ và chuyển đổi số trong nhà trường.

Bổ sung kinh phí mua sắm sách giáo khoa, sách tham khảo, học liệu và thiết bị hỗ trợ dạy học, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác thư viện và chất lượng tổ chức các hoạt động học tập của học sinh.

Bổ sung đủ số lượng giáo viên theo định mức, nhất là các môn chuyên biệt (Tin học, Ngoại ngữ, Mỹ thuật, Âm nhạc...), đồng thời quan tâm bố trí, điều động đội ngũ có chất lượng, tạo điều kiện cho nhà trường ổn định tổ chức và nâng cao chất lượng giáo dục bền vững.

Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học, tạo điều kiện để cán bộ quản lý và giáo viên được nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/c);
- Phòng VH-XH (để b/c);
- BGH nhà trường;
- CBGV,NV trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh

